

CẤU TRÚC, CÁC MỐI QUAN HỆ PHÁP LÝ CỦA CÁC BÊN THAM GIA BẢO LÃNH

NGUYỄN HẢI NGÂN*

Trong quan hệ dân sự và thương mại, các chủ thể thường ưu tiên lựa chọn bảo lãnh làm biện pháp bảo đảm vì tính tiện dụng cho các bên liên quan. Bài viết nhằm nhận diện cấu trúc và đặc trưng pháp lý của mối quan hệ nghĩa vụ được tạo ra bởi bảo lãnh và hiệu lực giữa chúng với nhau, góp phần làm rõ cơ sở lý luận cho việc ứng dụng và thực thi pháp luật về bảo lãnh, đặc biệt là lĩnh vực bảo lãnh ngân hàng.

Từ khóa: Bảo lãnh, mối quan hệ pháp lý của bảo lãnh, quan hệ nghĩa vụ bảo lãnh.

Ngày nhận bài: 20/9/2020; Biên tập xong: 22/9/2020; Duyệt đăng: 22/9/2020

In civil and commercial relations, parties often choose guarantee as a security measure due to its convenience. The article aims to identify the structures and legal characteristics of the obligation relationship created by the guarantee and its validity as well as contributes to clarifying the rationale for the application and enforcement of the guarantee law, especially in bank guarantees.

Keywords: Guarantee, guarantee legal relationship, guarantee obligation relationship.

1. Cấu trúc của bảo lãnh

Bảo lãnh trực tiếp gồm tối thiểu ba bên: bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh. Trong đó, người bảo lãnh có thể là cá nhân, pháp nhân hoặc ngân hàng. Bảo lãnh lúc này được thiết lập trực tiếp bởi chính bên bảo lãnh mà không qua khâu trung gian nào. Bảo lãnh ba bên được giải thích như sau: P – nhà thầu đàm phán và xác lập giao dịch với B để xây dựng nhà ở thương mại, trong đó P và B thỏa thuận ngân hàng G là bên bảo lãnh cho P. Nếu P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì ngân hàng G sẽ thay P thực hiện nghĩa vụ với B. Theo đó, ngân hàng G phát hành bảo lãnh – trở thành người bảo lãnh. B là người thụ hưởng – bên được bảo lãnh. Trong hợp đồng bảo lãnh sẽ nêu rõ các nội dung: các bên, hợp đồng cơ bản, thời hạn bảo lãnh, số tiền hoặc số tiền tối đa mà bên nhận bảo lãnh được gọi bảo lãnh, các tài liệu kèm theo khi gọi bảo lãnh. Khi B cho rằng P đã vi

phạm hợp đồng cơ sở, B có quyền đưa ra yêu cầu để ngân hàng G thanh toán cùng với các tài liệu liên quan tới bảo lãnh, yêu cầu và tài liệu phải được trình bày trước khi hết hạn hoặc hủy bỏ. Ngân hàng G sau đó phát sinh quyền yêu cầu bồi hoàn từ P, trong trường hợp vi phạm hợp đồng cơ bản thì ngân hàng G và P cũng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại với nhau¹.

Bảo lãnh gián tiếp là loại hình bốn bên, bên được bảo lãnh sẽ yêu cầu bên bảo lãnh của mình (thường là ngân hàng) sắp xếp vấn đề bảo lãnh với ngân hàng của bên nhận bảo lãnh. Theo đó, ngân hàng của người được bảo lãnh đề nghị với ngân hàng của người nhận bảo lãnh đưa ra bảo lãnh chống lại bảo lãnh đối ứng. Trong tình huống này, chính ngân hàng của bên nhận

* *Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên*

¹ Warisa Charoensuk (2016), "Problems of bank guarantee under Thai law, Problems of Bank Guarantee under Thai Law".

bảo lãnh sẽ phát hành bảo lãnh và chính là người bảo lãnh cho bảo lãnh theo yêu cầu. Nói cách khác, bảo lãnh gián tiếp bên tham gia thường là bảo lãnh trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng – bảo lãnh đối ứng.

Trong bảo lãnh gián tiếp, tồn tại thêm một quan hệ nghĩa vụ là quan hệ giữa ngân hàng của bên nhận bảo lãnh với ngân hàng của bên được bảo lãnh – bên bảo lãnh của người được bảo lãnh. Mỗi quan hệ này hình thành trên cơ sở một hợp đồng bổ sung. Cấu trúc của bảo lãnh gián tiếp được mô tả như sau: Bên nhận bảo lãnh sắp xếp cho ngân hàng của mình (ngân hàng IP) để yêu cầu bảo lãnh. Ngân hàng G là bên bảo lãnh cho người nhận bảo lãnh có quyền phát hành bảo lãnh chống lại bảo lãnh đối ứng từ ngân hàng IP. Ngân hàng IP không bắt buộc phải tuân theo hướng dẫn của P, trừ khi có thỏa thuận. IP có quyền yêu cầu P phải bồi hoàn cho trách nhiệm pháp lý mà IP thực hiện theo bảo lãnh đối ứng.

2. Mỗi quan hệ pháp lý được tạo ra bởi một bảo lãnh

Việc xác định đúng bản chất pháp lý của bảo lãnh là cơ sở để xác định được cơ cấu chủ thể trong quan hệ pháp luật về bảo lãnh. Bảo lãnh là biện pháp bảo đảm có tính đối nhân được hình thành bởi sự thỏa thuận của các chủ thể - dấu hiệu cơ bản của hợp đồng. Sự thỏa thuận của các bên là điều kiện thiết lập quan hệ bảo lãnh. Xét ở biểu hiện bên ngoài, bảo lãnh có ba bên chủ thể: bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh và có sự liên hệ nhất định giữa các chủ thể trong mỗi quan hệ đó. Các quan hệ nghĩa vụ được hình thành riêng biệt theo sự thỏa thuận của các bên.

Thứ nhất, nghĩa vụ cơ bản được hình thành theo sự thỏa thuận của bên nhận bảo lãnh (bên có quyền) với bên được bảo lãnh (bên có nghĩa vụ). *Thứ hai*, nghĩa vụ bảo lãnh

hình thành theo sự thỏa thuận của bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh. *Thứ ba*, nghĩa vụ hoàn lại hình thành giữa bên được bảo lãnh với bên bảo lãnh khi bên bảo lãnh đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật. Nếu thiết lập bảo lãnh gián tiếp, sẽ có thêm một quan hệ nghĩa vụ hình thành, đó là quan hệ giữa bên bảo lãnh của người nhận bảo lãnh với bên bảo lãnh của bên có nghĩa vụ được bảo lãnh.

Mỗi mối quan hệ trong số các quan hệ nghĩa vụ được thành lập bởi sự thỏa thuận ý chí của các chủ thể và được tách biệt với các cam kết khác. Cam kết của bên bảo lãnh dành cho người thụ hưởng phát sinh khi bên nhận bảo lãnh phát hành bảo lãnh vào thời điểm mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh – người có quyền trong quan hệ nghĩa vụ chính. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh có thể là trả tiền hoặc thực hiện một công việc tùy thuộc vào nghĩa vụ được bảo lãnh và sự thỏa thuận của các bên liên quan tới các điều khoản về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh². Người bảo lãnh không phải là một bên của hợp đồng cơ bản và không quan tâm đến nội dung cũng như hiệu lực của hợp đồng cơ bản. Mỗi quan hệ giữa bên nhận bảo lãnh với bên được bảo lãnh trong quan hệ nghĩa vụ được hình thành từ hợp đồng cơ bản tồn tại độc lập với quan hệ nghĩa vụ bảo lãnh.

Mỗi quan hệ giữa người được bảo lãnh và người bảo lãnh được hình thành theo quy định của pháp luật. Người bảo lãnh phải đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Nếu bên bảo lãnh không hoàn thành nghĩa vụ bảo lãnh thì mất quyền hoàn trả

² Warisa Charoensuk (2016), tldđ.

từ bên được bảo lãnh. Điều này không liên quan tới người nhận bảo lãnh, quyền được hoàn trả phụ thuộc vào việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đúng cam kết.

Người được bảo lãnh cũng không quan tâm đến mối quan hệ giữa người bảo lãnh và người nhận bảo lãnh. Về cơ bản, mối quan hệ này tách biệt với người được bảo lãnh. Người được bảo lãnh có thể không biết về hợp đồng bảo lãnh được thiết lập. Tương tự, người nhận bảo lãnh cũng không có lợi ích trong nghĩa vụ giữa người bảo lãnh với người được bảo lãnh. Do đó, nếu người được bảo lãnh không hoàn trả nghĩa vụ bảo lãnh cho bên bảo lãnh thì quyền của bên nhận bảo lãnh không bị ảnh hưởng.

Có thể nhận thấy, quan hệ giữa bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh là quan hệ nghĩa vụ được bảo đảm bằng biện pháp bảo lãnh, được hình thành từ sự thỏa thuận của các chủ thể hoặc theo quy định của pháp luật. Theo đó, nếu bên được bảo lãnh không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh. Quan hệ giữa bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh – quan hệ phát sinh khi bên bảo lãnh đã thực hiện xong nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh – một nghĩa vụ hoàn lại phát sinh: bên được bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trước bên bảo lãnh. Về mặt pháp lý, quan hệ bảo lãnh chỉ là mối quan hệ giữa hai bên chủ thể: bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh, mặc dù việc thiết lập hợp đồng bảo lãnh là để trợ giúp cho chính người được bảo lãnh. Bên được bảo lãnh được hiểu là bên thụ hưởng lợi ích từ hợp đồng bảo lãnh mà không phải bên đóng vai trò tạo lập hợp đồng bảo lãnh.

3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ bảo lãnh

Quyền và nghĩa vụ của người bảo lãnh: Các quyền chính của một người bảo lãnh

là quyền được bồi hoàn sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, quyền thế quyền đối với quyền của bên nhận bảo lãnh và quyền phân chia lợi nhuận có được từ bảo lãnh với đồng bảo lãnh.

Quyền yêu cầu bồi hoàn đối với người được bảo lãnh: Một người bảo lãnh có thể yêu cầu con nợ chính phải bồi hoàn hoặc bồi thường. Cơ sở của bồi hoàn được áp dụng bất cứ khi nào. Khi trả nợ gốc, người bảo lãnh có quyền theo luật định để thực hiện quyền yêu cầu bồi hoàn hoặc bồi thường của mình. Người bảo lãnh có quyền truy đòi con nợ về tiền gốc, tiền lãi hoặc tiền bồi thường mà người này phải gánh chịu vì lý do bảo lãnh. Khi đưa ra yêu cầu về sự bảo đảm, bên bảo lãnh sẽ thận trọng thỏa thuận với người được bảo lãnh về các vấn đề như: sự chắc chắn sẽ được bồi hoàn hoặc bồi thường, bên được bảo lãnh có biện pháp bảo vệ nào hay không. Bên bảo lãnh bị mất quyền yêu cầu nếu bên này thực hiện bảo lãnh khi không có yêu cầu từ bên nhận bảo lãnh, và nghĩa vụ của người được bảo lãnh không còn do giao dịch vô hiệu, bù trừ hoặc người được bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ. Quyền yêu cầu không biến mất nếu giữa bên bảo lãnh nhận được yêu cầu từ bên nhận bảo lãnh.

Trong trường hợp người bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ, đồng thời người được bảo lãnh cũng thực hiện nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh, cả hai chủ thể đều không có thông báo với nhau về việc đã thực hiện nghĩa vụ thì cần được hiểu là người bảo lãnh mất quyền yêu cầu. Đối với người được bảo lãnh không được thông báo thì nghĩa vụ trả nợ vẫn tồn tại và khi đã thực hiện nghĩa vụ này, không ai có thể đòi nợ nữa³.

³ Nguyễn Ngọc Điện (2001), *Bình luận khoa học về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự Việt*

Như vậy, để có quyền yêu cầu với bên được bảo lãnh, người bảo lãnh phải có nghĩa vụ thông báo về việc đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trước thời điểm người này thực hiện nghĩa vụ của mình. Người được bảo lãnh không có nghĩa vụ ngược lại với bên bảo lãnh, vì đó không phải trách nhiệm của người này và họ cũng có thể hoàn toàn không biết về việc nghĩa vụ đã được bảo lãnh. Đồng thời, khi tự nguyện ràng buộc cam kết bảo lãnh, người bảo lãnh cần có ý thức tìm hiểu xem người được bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ hay chưa.

Quyền thay thế và các quyền khác chống lại người nhận bảo lãnh: Một người bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ với người có quyền, có quyền thay thế tất cả các quyền của người nhận bảo lãnh đối với nghĩa vụ của bên được bảo lãnh. Điều này có ý nghĩa quan trọng nhất, bên bảo lãnh có quyền với tất cả các nghĩa vụ mà người nhận có được từ người được bảo lãnh hoặc từ một đồng bảo lãnh. Một sự bảo lãnh không được yêu cầu có thể có quyền thay thế. Ngoài các thế quyền, một người bảo lãnh còn có một số quyền nhất định có thể được thực hiện ngay cả trước khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như từ chối bảo lãnh khi người có nghĩa vụ khiếu kiện chống lại bên có quyền. Nếu không từ chối, người bảo lãnh có thể mất quyền yêu cầu bồi hoàn từ người được bảo lãnh. Khi người nhận bảo lãnh gọi bảo lãnh quá hạn, người bảo lãnh cũng có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Như vậy, người bảo lãnh cần có thời gian hợp lý để kiểm tra yêu cầu bảo lãnh và quyết định thực hiện hay từ chối bảo lãnh. Nếu từ chối bảo lãnh, người bảo lãnh có nghĩa vụ lập tức thông báo cho người nhận bảo lãnh bằng các phương tiện điện tử, hoặc nếu không thể thì bằng các biện pháp

nhANH chóng khác. Mọi tài liệu đưa ra với bên nhận bảo lãnh đều trở thành chứng cứ chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Đồng thời, để có thể thế quyền, bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi bảo lãnh đã cam kết, giao tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận để xử lý khi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh.

Quyền đồng bảo lãnh và chống lại các đồng bảo lãnh: Một người bảo lãnh nếu đã trả nhiều hơn hoặc toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh trong đồng bảo lãnh có quyền yêu cầu các đồng bảo lãnh bồi hoàn phần nghĩa vụ mà mình đã thực hiện. Có thể trước khi thực hiện nghĩa vụ, người bảo lãnh có quyền và nghĩa vụ liên quan chặt chẽ với các đồng bảo lãnh của mình. Các đồng bảo lãnh chia sẻ trách nhiệm của họ theo những điều khoản thỏa thuận trong bảo lãnh. Nếu không tuân thủ quy định, nguyên tắc là nếu mỗi người là một người bảo lãnh cho những phần nghĩa vụ bằng nhau, họ sẽ thực hiện nghĩa vụ như nhau, trong khi nếu họ chịu trách nhiệm về những phần nghĩa vụ khác nhau, mỗi người sẽ thực hiện với phần bảo lãnh tương ứng⁴.

Như vậy, các đồng bảo lãnh nên thực hiện sự thỏa thuận chắc chắn trước khi thực hiện nghĩa vụ cho bên nhận bảo lãnh. Trong trường hợp này, người nhận bảo lãnh được yêu cầu một trong số những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ với anh ta. Người bảo lãnh cũng có quyền yêu cầu bồi hoàn từ những người đồng bảo lãnh sau khi thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh, hoặc vượt phạm vi bảo lãnh của mình có nghĩa vụ bồi hoàn với mình. Quyền này phát

⁴ Michelle Kelly – Louw (2008), “*Selective Legal Aspects of bank*” - Lựa chọn pháp lý của ngân hàng, đảm bảo nhu cầu.

sinh cả khi những người bảo lãnh không cùng một hợp đồng. Người bảo lãnh này không biết về sự tồn tại của người bảo lãnh kia. Yêu cầu duy nhất là họ phải cùng bảo lãnh cho một khoản nợ.

Trường hợp một đồng bảo lãnh phá sản còn tồn tại quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất, nếu có ba người đồng bảo lãnh, một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh, một người khác phá sản thì người còn lại sẽ được yêu cầu cùng đóng góp một phần ba số nợ. Quan điểm khác cho rằng, phần nghĩa vụ chưa thực hiện của người bảo lãnh bị phá sản sẽ thuộc về người được bảo lãnh.

Theo chúng tôi, nếu ba đồng bảo lãnh cũng thỏa thuận bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, nếu một người bị phá sản thì hai người còn lại sẽ có trách nhiệm thực hiện toàn bộ bảo lãnh. Nếu họ chỉ thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ theo phần thì trách nhiệm thuộc về người được bảo lãnh. Các đồng bảo lãnh có nghĩa vụ hoàn lại cho người bảo lãnh đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoặc vượt quá phần nghĩa vụ bảo lãnh của chính mình. Nguyên tắc là họ cũng phải bảo lãnh cho cùng một nghĩa vụ.

Quyền được hoãn thực hiện hoặc được giải phóng khỏi nghĩa vụ bảo lãnh: Người bảo lãnh có quyền tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Người bảo lãnh có quyền tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ khi có tranh chấp bảo lãnh phát sinh giữa bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh hoặc trong trường hợp bên nhận và bên được bảo lãnh bù trừ nghĩa vụ với nhau, kết quả dẫn đến sự đình chỉ nghĩa vụ bảo lãnh⁵.

Nếu người nhận bảo lãnh giải phóng bên được bảo lãnh khỏi nghĩa vụ ràng buộc, điều này cũng có hiệu lực với người

bảo lãnh. Khi người nhận bảo lãnh có lỗi vi phạm hợp đồng đối với bên có nghĩa vụ và đó là căn cứ dẫn đến chấm dứt hợp đồng thì chắc chắn nghĩa vụ bảo lãnh cũng không còn tồn tại.

Người bảo lãnh cũng sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ nếu hợp đồng giữa bên có quyền và nghĩa vụ có sự thay đổi. Khi nghĩa vụ chính thay đổi, bản chất của những rủi ro được bảo lãnh cũng có thể thay đổi.

Như vậy, các nguyên tắc của luật hợp đồng được áp dụng. Nếu có hành vi vi phạm hoặc sự thay đổi trong hợp đồng được bảo lãnh, nghĩa vụ của người bảo lãnh được giải phóng. Người bảo lãnh có quyền hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Người bảo lãnh sẽ có thời gian hợp lý để kiểm tra yêu cầu bảo lãnh và quyết định thực hiện hay từ chối yêu cầu. Nếu người bảo lãnh quyết định từ chối yêu cầu, anh ta có nghĩa vụ thông báo cho người nhận bảo lãnh bằng cách truyền tin điện tử hoặc văn bản, nếu không thì có thể áp dụng các biện pháp nhanh chóng khác. Các tài liệu về việc từ chối sẽ là căn cứ minh chứng cho người nhận bảo lãnh.

Quyền và nghĩa vụ của người nhận bảo lãnh: Qua phân tích quy định của pháp luật dân sự, nhận thấy người nhận bảo lãnh có quyền rất quan trọng là *quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*. Tùy thuộc vào sự thỏa thuận, bên nhận bảo lãnh có thể yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trước hoặc sau khi yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ.

Nếu không có thỏa thuận, khi nghĩa vụ đến hạn mà người được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ, người bảo lãnh có quyền gọi bảo lãnh. Nếu có thỏa thuận thì bên nhận bảo lãnh chỉ có thể gọi bảo lãnh khi chứng minh được người được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ mà

⁵ Kevin P. McGuinness (1996), "*Luật về bảo đảm – Law of guarantee*", NXB Carswell, Canada.

không chịu thực hiện. Như vậy, nghĩa vụ chứng minh người được bảo có khả năng thực hiện chỉ đặt ra khi các bên có thỏa thuận. Trường hợp người nhận bảo lãnh không chứng minh được mà người bảo lãnh chứng minh được người được bảo lãnh có khả năng thực hiện nghĩa vụ thì người này có quyền từ chối thực hiện bảo lãnh.

Bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh cung cấp giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, uy tín và các giấy tờ cần thiết khác; bên nhận bảo lãnh cũng có quyền yêu cầu bên bảo lãnh đưa tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình hoặc của người thứ ba để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; quyền ưu tiên thanh toán và truy đòi với tài sản được dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện các biện pháp vận động, thuyết phục bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận với bên nhận bảo lãnh.

Bên nhận bảo lãnh có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết bảo lãnh; thông báo kịp thời, chính xác các quyền và nghĩa vụ của bên được bảo lãnh với bên bảo lãnh; thông báo về khả năng tài chính, sức khỏe, thu nhập... của bên được bảo lãnh. Trường hợp có thỏa thuận về việc thông báo khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên được bảo lãnh mà bên nhận bảo lãnh cố tình che giấu thì bên bảo lãnh có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ, gọi bảo lãnh trong thời hạn bảo lãnh. Nếu quá thời hạn mới gọi bảo lãnh thì bên bảo lãnh được từ chối bảo lãnh; nếu làm mất mát, hư hỏng giấy tờ, tài liệu chứng minh khả năng tài chính, năng lực, uy tín của bên bảo lãnh thì phải bồi thường thiệt hại.

Quyền và nghĩa vụ của người được bảo lãnh: Trong quan hệ bảo lãnh, người được bảo lãnh không được xác định là

một bên chủ thể bắt buộc. Chủ thể này không nhất thiết phải biết về việc bảo lãnh. Nếu người được bảo lãnh không biết về mối quan hệ bảo lãnh thì người được bảo lãnh không có quyền mà chỉ có nghĩa vụ hoàn trả cho người bảo lãnh sau khi người này thực hiện nghĩa vụ cho người nhận bảo lãnh. Nếu người được bảo lãnh yêu cầu người bảo lãnh đứng ra bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ cho mình, loại hình này thường hình thành trong lĩnh vực thương mại. Khi đó, người bảo lãnh có các quyền và nghĩa vụ như:

Quyền đề nghị một cá nhân, tổ chức có đủ năng lực chủ thể, tài chính cam kết thực hiện nghĩa vụ thay; quyền yêu cầu người bảo lãnh thực hiện đúng cam kết và thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh, thực hiện đầy đủ, đúng hạn; quyền khởi kiện bên bảo lãnh, chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ; quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; quyền từ chối bồi hoàn nếu đã thực hiện nghĩa vụ và bên bảo lãnh tự thực hiện nghĩa vụ mà không có thông báo kịp thời.

Đồng thời, bên được bảo lãnh có nghĩa vụ khác như: cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin cần thiết khi được bên bảo lãnh yêu cầu; thực hiện đúng, đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ đã cam kết; nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và trả thù lao bảo lãnh đúng hạn.

Quyền của bên được bảo lãnh thường phụ thuộc vào mối quan hệ với bên bảo lãnh. Khi muốn yêu cầu được bảo lãnh, bên được bảo lãnh thường phải thỏa mãn các điều kiện mà bên bảo lãnh đưa ra.

Như vậy, việc hiểu rõ cấu trúc và mối quan hệ pháp lý giữa các bên trong quan hệ bảo lãnh sẽ xác định được quyền và nghĩa vụ của từng bên chủ thể. Việc xem xét tính chất của quan hệ này góp phần xây dựng quy định pháp luật về vấn đề này, thúc đẩy sự phát triển của các giao dịch dân sự và thương mại./.